

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS - ST
Ngày: 20 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khiêm

2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại nhà trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/HSST ngày 20/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 09/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn Q, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị X; vợ là Vũ Thị M (đều đã chết), 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019, tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/6/2019 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà Ngô Thị Xuân Th - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn AH, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn T1 và bà Đào Thị G; vợ Phạm Thị L và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ

từ ngày 03/6/2019, tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/6/2019 đến nay, có mặt.

+ *Người bị hại:*

1/ Chị Phạm Thị K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn TK, xã TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt;

2/ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn HV, xã TB, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

+ *Người làm chứng:*

1/ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn TK, xã TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt;

2/ Anh Dương Đức T3, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm 1, thôn KG, xã AT, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, Nguyễn Văn S rủ Đỗ Văn Q đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Trưa ngày 02/6/2019, Q điều khiển xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển số 34M4-5109 chở S đến huyện Thanh Hà. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực cánh đồng trồng vải địa phận thôn HV, xã TB, huyện Thanh Hà, Q, S phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 34L1-28.. của bà Nguyễn Thị T2, dựng ở rìa đường không có người trông giữ. Q dừng xe máy cạnh giới. S đi đến chỗ xe máy dùng chìa khóa xe máy mang theo cho vào ổ khóa điện mở khóa nổ máy. Cả hai về nhà Q. Q điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đến gửi nhờ nhà anh Dương Đức T3 (bạn Q) ở thôn KG, xã AT, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Ngày 05/6/2019, chị Lương Thị Như Q (vợ của anh Dương Đức T3) tự nguyện giao nộp chiếc xe trên. Tại bản Kết luận định giá số 18/KL-HĐGTS ngày 06/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: Giá trị hiện tại của 01 xe máy nhãn hiệu Dream màu nâu, biển số 34L1-28.. là: 9.540.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, Q điều khiển xe máy chở S đến huyện Thanh Hà. Khi đi đến trước cổng nhà ông Phạm Văn L ở thôn TK, xã TH, huyện Thanh Hà, Q - S phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen, biển số 34B3-831... của bà Phạm Thị K, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Q dừng xe máy đứng cạnh giới. S đi đến chỗ xe máy mở khóa điện nổ máy thì bị phát hiện. Q, S điều khiển xe máy bỏ chạy. Chị K và anh Phạm Văn H đuổi theo bắt được Q thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ,

biển số 34M4-51..., 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 150.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, S bị bắt cùng vật chứng. Tại bản Kết luận định giá số 17/KL-HĐGTS ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: Giá trị hiện tại của 01 xe mô tô nhãn hiệu loại Blade màu đỏ đen, số khung: 3643GY034121, số máy JA36E04469251 (không có biển số và cặp gương chiếu hậu) là: 16.940.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 19/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bị cáo S là người khởi xướng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo xác nhận đã trả lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho người bị hại.

Chị K xác định đã nhận lại số tài sản bị mất, tự nguyện không yêu cầu bồi thường, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phân tích chứng cứ tại hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn S phạm tội : "*Trộm cắp tài sản*"

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự,

- Xử phạt Nguyễn Văn S từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị giữ 03/6/2019.

- Xử phạt Đỗ Văn Q từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/6/2019.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng;

+ Về trách nhiệm dân sự: Không;

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ, biển số 34M4-51... Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và số tiền 150.000 đồng.

+ Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật án phí và lệ phí 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do bị cáo Q thuộc hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các bản cung trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai những người bị hại về thời gian, địa điểm, loại tài sản các bị cáo chiếm đoạt, cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: *“Khoảng 13 giờ, ngày 02/6/2019, tại khu vực cánh đồng trồng vải, địa phận thôn HV, xã TB, huyện Thanh Hà, Đỗ Văn Q và Nguyễn Văn S đã lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T2 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 34L1-28.. trị giá 9.540.000 đồng. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, trước cổng nhà ông Phạm Văn L ở thôn TK, xã TH, huyện Thanh Hà, Đỗ Văn Q và Nguyễn Văn S đã lén lút chiếm đoạt của bà Phạm Thị K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen biển số 34B3-831... trị giá 16.940.000 đồng”*. Hành vi của các bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi cá nhân, có dự mưu từ trước, đủ yếu tố cấu thành tội: *“Trộm cắp tài sản”* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Thanh Hà hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý không tốt trong quần chúng nhân dân cần có mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo S là người khởi xướng, thực hiện hai hành vi chiếm đoạt tài sản giữ vai trò chính. Bị cáo Q dùng xe máy chở bị cáo S đi trộm cắp tài sản và thực hiện hành vi canh giới, đồng phạm giúp sức, giữ vị trí thứ hai.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo thực hiện hai hành vi chiếm đoạt tài sản. Mỗi hành vi đều đã cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý, hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả người bị hại, được người bị hại chị Phạm Thị K xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Q, bố mẹ và vợ đều đã chết, hai con còn nhỏ là lao động chính trong gia đình, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất hành vi, điều kiện kinh tế cũng như nhân thân các bị cáo không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ biển số 34M4-51.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và số tiền 150.000 đồng

+ Chiếc xe máy là của bị cáo Q. Các bị cáo có ý thức sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Chiếc xe máy còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu phát mại lấy tiền nộp quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và số tiền 150.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Q.

[10] Về án phí: Bị cáo Q là hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo S phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

[11] Đối với anh Dương Đức T3 không biết tài sản do Q, S phạm tội mà có không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí, lệ phí năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn Q, Nguyễn Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 03/6/2019.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 03/6/2019

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng và 150.000 đồng
- Tịch thu chiếc xe máy của bị cáo Q phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước.

(*Tình trạng vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà với Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương*).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Q. Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Bị cáo ;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Mạc Duy Phú